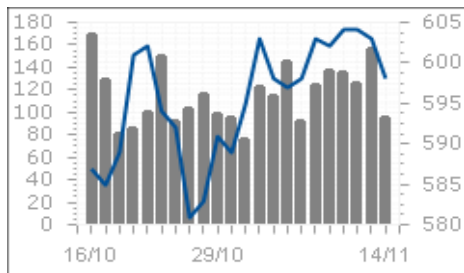


## HOSE 14/11/2014

VNINDEX	600.36	-2.80	-0.46%
KLGD	145,108,258	CP	
GTGD	2,595.24	Tỷ	
GTR NDTNN	-	226.76	Tỷ
CP Tăng giá	69	CP	
CP Giảm giá	148	CP	
CP Đứng giá	87	CP	

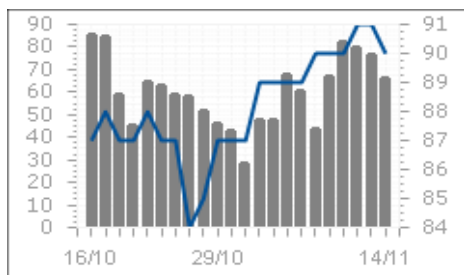


## Tâm điểm

- ▶ **Chỉ số 2 sàn thu hẹp đà giảm nhờ lực cầu giá thấp khá tốt**
- ▶ **Thanh khoản tiếp tục gia tăng là yếu tố tích cực**  
 NĐT Nước ngoài bán ròng mạnh trên HOSE và mua ròng nhẹ trên HNX
- ▶ **Giá trị sản xuất kinh doanh tăng**  
 Theo báo cáo của Bộ xây dựng về kết quả chủ yếu trong sản xuất kinh doanh Vietstock
- ▶ **EIU đưa ra những đánh giá tích cực về nền kinh tế Việt Nam**  
 EIU cho rằng ổn định kinh tế vĩ mô và môi trường đầu tư là những yếu tố tích cực Bloomberg
- ▶ **Kích cầu "cây đũa thần" của nền kinh tế Mỹ**  
 Trong gần 6 năm qua nước Mỹ đã bơm vào nền kinh tế gần 3000 tỷ USD Vietstock
- ▶ **VCB: Nợ có khả năng mất vốn hơn 4,700 tỷ, lập dự phòng hơn 3,500 tỷ đồng**  
 Nợ có khả năng mất vốn tăng mạnh nhất 70%, lên mức 4,725 tỷ đồng. DVO
- ▶ **PVX: Quý 3 bất ngờ lãi hơn 150 tỷ đồng sau 9 quý liên tiếp lỗ nặng**  
 Lỗ lũy kế của PVX hiện vẫn ở mức khủng, hơn 3,232 tỷ đồng. DVO

## HNX 14/11/2014

HNXINDEX	90.74	-0.75	-0.82%
KLGD	89,422,313	CP	
GTGD	1,150.37	Tỷ	
GTR NDTNN	-	0.68	Tỷ
CP Tăng giá	77	CP	
CP Giảm giá	127	CP	
CP Đứng giá	175	CP	



## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	1,084,202	14.7	3.0	19.3%	10.2%
HNX	151,077	15.2	1.9	8.7%	4.3%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,235,279</b>	<b>15.4</b>	<b>3.2</b>	<b>19.5%</b>	<b>9.8%</b>

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo ngành</b>					
Nhựa, cao su & sợi	7,160	6.8	0.9	13.0%	8.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	20,911	9.8	1.5	16.2%	10.3%
Khai khoáng	39,465	14.4	2.1	22.0%	10.8%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,695	93.9	6.1	-3.9%	-3.3%
Xây dựng	25,674	14.4	1.5	13.4%	7.4%
Máy công nghiệp	33,846	62.8	1.3	-2.5%	1.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,680	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	11,439	9.1	1.5	18.4%	13.4%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,889	11.4	3.0	25.5%	11.1%
Thực phẩm	23,102	13.0	2.1	19.3%	6.4%
Dược phẩm	195,719	24.5	4.7	19.1%	14.7%
Phần mềm	15,929	11.5	2.9	22.6%	14.9%
Sản xuất & phân phối điện	17,660	10.6	2.3	21.7%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,320	9.9	1.5	16.0%	7.5%
Bảo hiểm nhân thọ	207,673	17.0	5.5	32.5%	22.0%
Môi giới chứng khoán	26,334	21.6	2.3	10.2%	2.1%
Ngân hàng	30,481	13.5	1.9	10.8%	7.7%
Bất động sản	239,025	11.3	1.2	10.5%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	183,445	16.3	3.0	22.6%	5.6%
	49,632	11.2	2.3	21.9%	9.2%

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	637.90	-0.97	-0.15%
HNX30	184.47	-1.56	-0.84%

## VietinBankSc

306 Ba Triệu  
 Hai Ba Trưng  
 Hanoi  
 Vietnam  
 Tel: (844) 3974 7952  
 Fax: (844) 3974 1760  
[www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

## Giá trị sản xuất kinh doanh tăng

## EIU đưa ra những đánh giá tích cực về nền kinh tế Việt Nam

## Kích cầu "cây đũa thần" của nền kinh tế Mỹ

Trịnh Thị Thu Phương

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

## VCB: Nợ có khả năng mất vốn hơn 4,700 tỷ, lập dự phòng hơn 3,500 tỷ đồng

## PVX: Quý 3 bắt ngờ lãi hơn 150 tỷ đồng sau 9 quý liên tiếp lỗ nặng

## TTF: Lãi quý 3 tăng vọt 27 lần

## ► Tin kinh tế

Bộ Xây dựng vừa có báo cáo về một số kết quả chủ yếu trong sản xuất kinh doanh, đầu tư tháng 10 và 10 tháng năm 2014 của các đơn vị thuộc Bộ. Giá trị sản xuất kinh doanh 10 tháng ước đạt 120.959,2 tỷ đồng, bằng 104,4% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, giá trị xây lắp ước đạt 43.583,8 tỷ đồng, bằng 100,1% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng đạt 54.386,8 tỷ đồng, bằng 104,8 % so với cùng kỳ. Nhập khẩu 10 tháng năm 2014 đạt 116,1 triệu USD, bằng 100,7% so với kế hoạch năm. Xuất khẩu 10 tháng ước đạt 220,9 triệu USD, bằng 103,1% so với kế hoạch năm.

Bộ phận dự báo, phân tích và tư vấn rủi ro (EIU) thuộc The Economist (Anh) cho rằng chính nhờ sự ổn định kinh tế vĩ mô và môi trường đầu tư ngày càng hấp dẫn đã giúp Việt Nam phát hành trái phiếu quốc tế thành công. EIU cho rằng đợt phát hành này đã được lựa chọn đúng thời điểm. Quyết định phát hành đợt trái phiếu này sẽ tạo điều kiện cho chính phủ giảm chi phí vay mượn bằng ngoại tệ, hỗ trợ củng cố kinh tế vĩ mô. Thời điểm này cũng rất hợp lý vì khi Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) bình thường hóa chính sách tiền tệ, lãi suất USD có thể bị đẩy lên cao. EIU cũng cho rằng Việt Nam đang có những lợi thế cạnh tranh lớn trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài như chi phí lao động thấp cùng với những ưu đãi thuế.

6 năm khủng hoảng, nước Mỹ đã có dấu hiệu phục hồi, trong khi nền kinh tế Châu Âu dường như vẫn đang rơi vào ngõ cụt. Theo thống kê, trong gần 6 năm qua nước Mỹ đã bơm vào nền kinh tế gần 3000 tỷ USD để thúc đẩy sản xuất tăng thêm việc làm. Nền kinh tế lớn nhất thế giới đã có dấu hiệu khởi sắc, khi liên tục duy trì được tốc độ tăng trưởng và thất nghiệp giảm gần bằng trước khi khủng hoảng. Trong khi đó, tại châu Âu, "thắt lưng buộc bụng" là chính sách đã được áp dụng trong suốt thời gian qua. Và hệ quả, nền kinh tế của rất nhiều nước châu Âu vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi.

## ► Tin doanh nghiệp

Theo báo cáo tài chính quý 3/2014 của Vietcombank, tính đến 30/09/2014, huy động và cho vay của ngân hàng đều tăng 16.6% và 10.2% so với đầu năm, đạt mức 378,326 tỷ và 302,181 tỷ đồng. Trong đó, nợ có khả năng mất vốn tăng mạnh nhất – 70%, lên mức 4,725 tỷ đồng. Nhờ cho vay tăng mạnh nên tỉ lệ nợ xấu của ngân hàng giảm từ 2.73% xuống 2.54%. Lũy kế, lợi nhuận trước thuế của VCB đạt 4,180 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước, tương đương 76% kế hoạch năm (5,500 tỷ đồng). Lãi ròng của ngân hàng cũng tăng 8%, đạt 3,262 tỷ đồng. Riêng trong quý 3/2014, VCB mang về khoản lãi xấp xỉ cùng kỳ năm trước với 1,039 tỷ đồng.

Tổng CTCP Xây Lắp Dầu Khí Việt Nam (HNX: PVX) công bố BCTC hợp nhất quý 3/2014 với mức lãi hơn 150 tỷ đồng, lần đầu tiên có lãi trở lại sau 9 quý lỗ nặng liên tiếp trước đó kể từ quý 2/2012. Trong quý 3/2014, doanh thu thuần của PVX đạt hơn 2,724 tỷ đồng, tăng 67% so với cùng kỳ năm trước, PVX còn thu được gần 278 tỷ đồng lãi từ tiền gửi và tiền cho vay, con số này cao gấp 14.6 lần so với 9 tháng đầu năm 2013. Chi phí tài chính trong quý 3/2014 của PVX lại ở con số âm gần 131 tỷ đồng, cùng với chi phí bán hàng và quản lý giảm mạnh trong kỳ, chi phí lãi vay của PVX giảm mạnh, chỉ còn gần 83 tỷ đồng. Tại thời điểm cuối quý 3, nợ ngắn hạn của PVX cũng đã giảm hơn 1,000 tỷ đồng so với đầu năm khi ở mức 11,234 tỷ đồng (vẫn cao hơn so với tổng tài sản ngắn hạn là 10,392 tỷ đồng). Lỗ lũy kế của PVX hiện vẫn ở mức khủng, hơn 3,232 tỷ đồng.

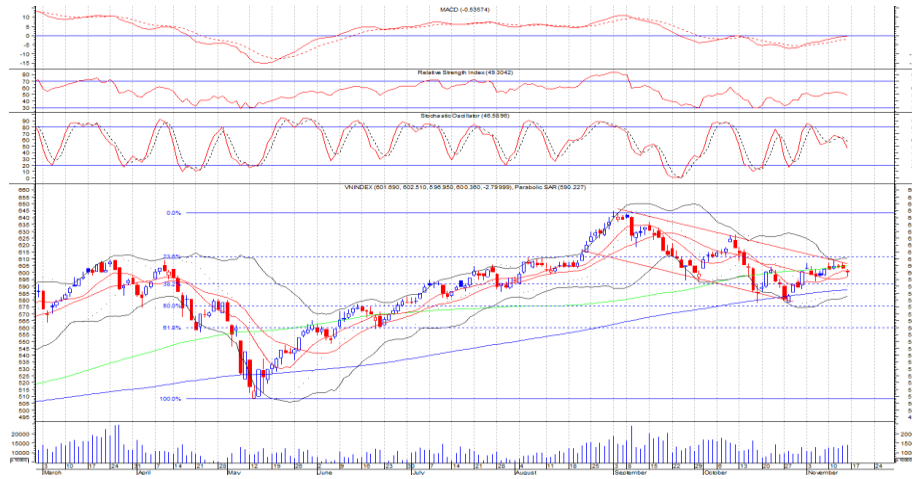
CTCP Tập đoàn kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (HOSE: TTF) công bố BCTC hợp nhất quý 3/2014 với doanh thu 310.6 tỷ đồng, tăng gần 84% và lợi nhuận sau thuế tăng vọt gần 27 lần, lên 32 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái. Mức giá vốn hàng bán trong kỳ tăng 107% lên 234 tỷ đồng. Hoạt động tài chính trong kỳ thu về 5.8 tỷ đồng, tăng 121%, chi phí tài chính giảm 32.4% về mức hơn 23 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý lần lượt 4.4 tỷ đồng và 21 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm, lợi nhuận sau thuế của TTF ở mức gần 50 tỷ đồng, tăng hơn 15 lần so với cùng kỳ năm ngoái và thực hiện gần 77% kế hoạch cả năm.

**HOSE** 14/11/2014 VNINDEX 600.36 -2.80 -0.46% 145,108,258 CP 2,595.24 bil VND

### Chỉ số 2 sàn thu hẹp đà giảm nhờ lực cầu giá thấp khá tốt

VN-Index giảm 2.80 điểm (-0.46%), đóng cửa tại mức 600.36 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân ngắn, VN-Index điều chỉnh sâu trong phiên nhưng thu hẹp đà giảm cuối phiên.

- MACD dừng đà tăng và chưa cho tín hiệu cắt đường zero - base.
- Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm khá mạnh.
- RSI (14) sụt giảm về mức 49..
- VN-Index lại rơi về vùng ở giữa MA20 và MA100.



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.1 (0.8%)	26,069,440
ITA	-0.1 (-1.1%)	7,821,590
OGC	-0.2 (-2.2%)	7,318,550
VHG	-0.1 (-0.6%)	7,165,530
KBC	-0.4 (-2.3%)	6,796,930

### HOSE Top 5 theo % tăng

VNG	0.7 (7.0%)	230
LIX	2.1 (7.0%)	163,560
KAC	0.8 (6.9%)	140
QBS	1.3 (6.8%)	67,050
SBC	1 (6.5%)	115,230

### HOSE Top 5 theo % giảm

OPC	-19.5 (-32.5%)	6,410
HU3	-0.7 (-6.9%)	20
HVX	-0.4 (-6.6%)	50
CTI	-0.7 (-6.1%)	21,370
SVT	-0.4 (-6.1%)	550

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

FLC	5,0 tỷ	410,980
IJC	4,1 tỷ	295,000
MWG	4,0 tỷ	39,520
SSI	2,4 tỷ	79,210
PVT	2,3 tỷ	129,730

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KDC	-42,3 tỷ	698,210
HAG	-28,4 tỷ	1,127,910
HAR	-20,5 tỷ	1,548,640
PVD	-15,5 tỷ	169,600
HBC	-6,7 tỷ	391,750

<b>GD NDTNN</b>	<b>KL Ròng</b>	<b>GT Ròng (tỷ)</b>
HOSE	-4,751,670	- 226.76

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT chịu áp lực điều chỉnh ngay từ đầu phiên giao dịch, đà bán chốt lời ngắn hạn xuất hiện mạnh. Dù vậy lực cầu trở lại khá tốt cuối phiên giúp VN-Index thu hẹp đà giảm.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 141 triệu. Thanh khoản tiếp tục gia tăng là một yếu tố tích cực trong giai đoạn này.
- ▶ Khối ngoại bán ròng khá mạnh với giá trị 226 tỷ. Phiên bán ròng mạnh liên tiếp thứ 2 của khối này, điều này đã ảnh hưởng tiêu cực tới VN-Index.
- ▶ Nhìn chung lực cầu vẫn đang duy trì khá tốt vì vậy nhiều khả năng VN-Index sẽ vẫn tiếp tục tích lũy ở vùng điểm này.
- ▶ NĐT cần nhắc những nhịp điều chỉnh để cơ cấu danh mục, tích lũy nhóm cổ phiếu có cơ bản tốt. Vẫn chưa nên sử dụng đòn bẩy tài chính ở giai đoạn này.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	104.0	197,080.00	17.4	5.7	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	104.0	104,012.33	17.9	5.7	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	27.5	73,288.06	15.8	1.7	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	49.4	71,855.02	14.4	2.6	27.6%	6.2%
MSN	735.8	83.5	61,439.98	-1,493.2	4.3	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.3	53,244.69	9.2	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.0	36,545.63	9.3	1.1	12.3%	0.7%
HPG	481.9	57.0	27,468.77	8.8	2.4	30.2%	14.7%
PVD	303.0	90.0	27,273.32	11.5	2.5	22.6%	10.8%
BVH	680.5	38.6	26,266.20	21.6	2.3	10.2%	2.1%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

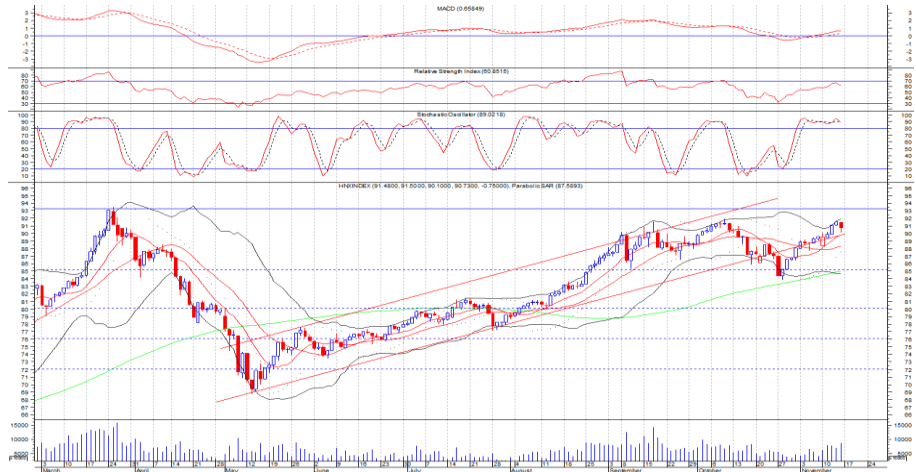
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	11.3	830.54	37.0	1.0	NA	TH.DOI
HBC	52.7	16.5	869.43	20.3	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.6	2,264.33	7.2	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	67.5	3,069.80	8.6	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.7	650.03	3.9	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.7	599.14	1.9	0.9	NA	TH.DOI

**HNX** 14/11/2014 HNX-Index 90.74 -0.75 -0.82% 89,422,313 CP 1,150.37 bil. VND

### Chỉ số 2 sàn thu hẹp đà giảm nhờ lực cầu giá thấp khá tốt

Chỉ số HNX-Index giảm 0.75 điểm (-0.82%), đóng cửa tại mốc 90.74 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến vừa phải, HNX-Index điều chỉnh mạnh giữa phiên nhưng thu hẹp đà giảm về cuối phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator vẫn đang duy trì ở vùng quá mua.
- MACD gia tăng trở lại và cắt đường zero - base, đây là tín hiệu rất tích cực.
- RSI (14) giảm về mốc 60.
- HNX-Index đang tiệm cận vùng đỉnh cũ vì vậy rủi ro điều chỉnh đang khá lớn.



### HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	KLGD (%)	KLGD (tỷ)
KLF	0.5 (3.6%)	24,939,630
PVX	0 (0.0%)	15,109,350
SCR	-0.3 (-2.9%)	5,942,670
SHN	0.1 (2.1%)	5,598,120
HUT	0.8 (5.8%)	3,617,710

### HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá (tỷ)
BXH	1.1 (9.9%)	1,000
CVN	0.3 (9.7%)	593,000
BLF	0.7 (9.1%)	141,000
CT6	0.7 (9.1%)	400
VDS	1 (9.1%)	330,110

### HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá (tỷ)
S12	-0.5 (-10.0%)	500
VGP	-1.9 (-9.7%)	130
MCO	-0.4 (-9.5%)	1,100
BAM	-1.1 (-9.4%)	286,000
SKS	-1 (-9.3%)	1,400

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Mua ròng (tỷ)	Giá (tỷ)
BVS	1,7	106,700
VDS	1,2	102,500
SD9	1,1	70,600
IVS	1,0	80,600
PVC	0,9	26,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Bán ròng (tỷ)	Giá (tỷ)
PVS	-5,1	124,900
PLC	-1,0	30,000
HMH	-0,5	20,000
FIT	-0,4	11,700
KLS	-0,2	13,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	310,280	0.68

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT chịu áp lực điều chỉnh ngay từ đầu phiên giao dịch, đà bán chốt lời ngắn hạn xuất hiện mạnh. Dù vậy lực cầu trở lại khá tốt cuối phiên giúp HNX-Index thu hẹp đà giảm.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 88 triệu. Thanh khoản tiếp tục gia tăng là một yếu tố khá tích cực trong giai đoạn này.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 655 triệu. Khối này mua mạnh BVS, VDS, SD9, trong khi bán nhiều ở PVS.
- ▶ Nhìn chung lực cầu vẫn đang duy trì khá tốt vì vậy nhiều khả năng VN-Index sẽ vẫn tiếp tục tích lũy ở vùng điểm này.
- ▶ NĐT cần nhắc những nhịp điều chỉnh để cơ cấu danh mục, tích lũy nhóm cổ phiếu có cơ bản tốt. Vẫn chưa nên sử dụng đòn bẩy tài chính ở giai đoạn này.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (tỷ)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	41.0	18,314.72	11.2	2.1	19.6%	6.6%
ACB	909.8	15.7	14,283.55	26.9	1.2	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	9.1	0.7	8.2%	0.7%
VCG	441.7	13.3	5,874.75	10.6	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	82.6	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.1	4,075.36	13.1	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	50.0	2,816.96	7.1	2.1	23.4%	14.9%
VNR	131.1	20.5	2,687.06	8.5	0.8	12.7%	5.7%
PVX	400.0	6.6	2,640.00	2.1	3.6	-128.0%	-7.7%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (tỷ)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.7	1,394.60	8.8	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	15.8	625.68	6.1	1.1	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.8	2,138.98	11.4	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	50.0	2,816.96	7.1	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	35.7	1,785.00	9.0	2.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	42.5	334.69	8.1	1.5	NA	TH.DOI



## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,439.98	15.22%	83.5	#####	4.25	202,779	238,866	224,360
VIC	HOSE	1,454.6	71,855.02	12.53%	49.4	14.44	2.59	1,112,023	1,305,326	2,043,089
PVD	HOSE	303.0	27,273.32	11.71%	90.0	11.51	2.49	327,994	461,883	558,304
HPG	HOSE	481.9	27,468.77	11.57%	57.0	8.77	2.41	422,223	501,051	772,465
HAG	HOSE	789.9	19,589.50	7.45%	24.8	10.54	1.36	3,970,924	3,513,958	3,985,237
KDC	HOSE	255.2	14,799.35	7.00%	58.0	24.68	2.26	1,268,368	916,337	863,708
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	5.69%	19.1	8.77	1.21	316,527	339,876	420,254
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	5.16%	27.5	15.83	1.68	310,443	256,098	494,616
DPM	HOSE	379.9	11,284.05	4.04%	29.7	9.46	1.23	370,205	427,005	1,023,818
KBC	HOSE	389.8	6,703.88	2.83%	17.2	16.27	1.32	6,093,919	5,217,149	4,844,269
ITA	HOSE	718.9	6,398.26	2.64%	8.9	69.75	0.82	5,735,703	5,073,145	7,938,364
HSG	HOSE	96.3	4,680.82	1.95%	48.6	14.79	2.13	248,227	296,195	358,412
BVH	HOSE	680.5	26,266.20	1.83%	38.6	21.55	2.26	200,407	203,748	248,887
HVG	HOSE	132.0	4,316.39	1.55%	32.7	14.98	1.81	1,738,334	1,539,659	1,856,279
FLC	HOSE	314.9	3,778.73	1.53%	12.0	6.98	0.99	14,368,562	11,931,259	15,408,545
PPC	HOSE	318.2	7,922.05	1.47%	24.9	10.97	1.48	314,237	310,086	598,800
DRC	HOSE	83.1	4,942.89	1.41%	59.5	14.42	3.48	63,689	73,959	172,122
PVT	HOSE	255.9	4,605.44	1.37%	18.0	15.94	1.54	1,993,418	1,765,563	2,291,974
CSM	HOSE	67.3	3,041.60	1.32%	45.2	8.79	2.41	96,139	124,014	239,370
VSH	HOSE	206.2	2,990.50	1.16%	14.5	14.26	1.12	507,588	533,006	669,094
OGC	HOSE	300.0	2,730.00	0.56%	9.1	34.33	0.88	6,017,143	6,856,432	5,083,792

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,439.98	8.53%	83.5	#####	4.25	202,779	238,866	224,360
VIC	HOSE	1,454.6	71,855.02	7.57%	49.4	14.44	2.59	1,112,023	1,305,326	2,043,089
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	7.13%	27.5	15.83	1.68	310,443	256,098	494,616
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	6.62%	19.1	8.77	1.21	316,527	339,876	420,254
PVS	HNX	446.7	18,314.72	5.75%	41.0	11.20	2.13	1,556,330	2,058,498	3,617,409
BVH	HOSE	680.5	26,266.20	4.51%	38.6	21.55	2.26	200,407	203,748	248,887
DPM	HOSE	379.9	11,284.05	4.25%	29.7	9.46	1.23	370,205	427,005	1,023,818
HAG	HOSE	789.9	19,589.50	4.04%	24.8	10.54	1.36	3,970,924	3,513,958	3,985,237
PVD	HOSE	303.0	27,273.32	3.90%	90.0	11.51	2.49	327,994	461,883	558,304
PPC	HOSE	318.2	7,922.05	3.14%	24.9	10.97	1.48	314,237	310,086	598,800
ITA	HOSE	718.9	6,398.26	3.29%	8.9	69.75	0.82	5,735,703	5,073,145	7,938,364
FLC	HOSE	314.9	3,778.73	2.85%	12.0	6.98	0.99	14,368,562	11,931,259	15,408,545
SHB	HNX	886.1	7,797.53	2.54%	8.8	9.12	0.73	2,333,283	3,089,756	5,024,035
VCG	HNX	441.7	5,874.75	2.12%	13.3	10.57	1.09	1,258,482	1,210,053	1,494,139
PVT	HOSE	255.9	4,605.44	1.78%	18.0	15.94	1.54	1,993,418	1,765,563	2,291,974
OGC	HOSE	300.0	2,730.00	143.00%	9.1	34.33	0.88	6,017,143	6,856,432	5,083,792
DRC	HOSE	83.1	4,942.89	1.00%	59.5	14.42	3.48	63,689	73,959	172,122
IJC	HOSE	274.2	3,701.63	0.65%	13.5	22.01	1.29	674,322	710,334	1,526,072
PVX	HNX	400.0	2,640.00	0.00%	6.6	-	2.13	4,955,201	5,483,489	9,046,413

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	71,855.02	0.00%	49.4	14.44	2.59	1,112,023	1,305,326	2,043,089
MSN	HOSE	735.8	61,439.98	0.00%	83.5	#####	4.25	202,779	238,866	224,360
DPM	HOSE	379.9	11,284.05	0.00%	29.7	9.46	1.23	370,205	427,005	1,023,818
HAG	HOSE	789.9	19,589.50	0.00%	24.8	10.54	1.36	3,970,924	3,513,958	3,985,237
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	0.00%	27.5	15.83	1.68	310,443	256,098	494,616
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.00%	19.1	8.77	1.21	316,527	339,876	420,254
BVH	HOSE	680.5	26,266.20	0.00%	38.6	21.55	2.26	200,407	203,748	248,887
CTG	HOSE	3,723.4	53,244.69	0.00%	14.3	9.20	1.00	273,903	301,273	375,088
GAS	HOSE	1,895.0	197,080.00	0.00%	104.0	17.42	5.68	306,186	359,014	406,518

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,439.98	4.01%	83.5	#####	4.25	202,779	238,866	224,360
VIC	HOSE	1,454.6	71,855.02	2.27%	49.4	14.44	2.59	1,112,023	1,305,326	2,043,089
PVD	HOSE	303.0	27,273.32	4.39%	90.0	11.51	2.49	327,994	461,883	558,304
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.89%	19.1	8.77	1.21	316,527	339,876	420,254
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	1.28%	27.5	15.83	1.68	310,443	256,098	494,616
BVH	HOSE	680.5	26,266.20	1.79%	38.6	21.55	2.26	200,407	203,748	248,887

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

14 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,160	6.8	0.9	13.0%	8.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,911	9.8	1.5	16.2%	10.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,147	30.6	1.0	3.4%	1.5%
Sản xuất giấy	927	6.8	1.0	14.1%	7.5%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,465	14.4	2.1	22.0%	10.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,937	3.6	1.0	22.0%	5.2%
Khai khoáng	12,695	93.9	6.1	-3.9%	-3.3%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,674	14.4	1.5	13.4%	7.4%
Xây dựng	33,846	62.8	1.3	-2.5%	1.8%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,260	9.8	1.2	15.6%	7.8%
Công nghiệp phức hợp	1,308	8.6	1.4	16.6%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,476	6.9	0.9	13.2%	6.5%
Thiết bị điện	2,115	38.9	1.0	2.3%	0.3%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	49	16.1	0.7	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,680	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	10,042	3.6	1.2	5.3%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,439	9.1	1.5	18.4%	13.4%
Dịch vụ vận tải	6,756	9.2	1.6	18.9%	11.8%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	5,007	12.0	1.7	18.2%	8.6%
Đào tạo & Việc làm	276	11.0	0.9	8.3%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	197	9.0	0.9	11.9%	4.8%
Chất thải & Môi trường	193	2.9	0.9	33.8%	16.0%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,193	13.1	1.3	14.6%	7.2%
Lốp xe	8,889	11.4	3.0	25.5%	11.1%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,551	6.9	1.2	17.6%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	331	14.3	2.2	16.7%	10.4%
Đồ uống & giải khát	231	6.5	1.1	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,102	13.0	2.1	19.3%	6.4%
Thực phẩm	195,719	24.5	4.7	19.1%	14.7%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	78	22.0	1.0	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,861	9.8	1.6	15.1%	7.4%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	574	36.3	1.5	4.2%	2.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,713	8.7	1.8	19.7%	7.6%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,141	10.5	2.1	18.5%	9.5%
Thuốc lá					
Thuốc lá	706	8.1	1.1	1.1%	4.3%

14 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	2,048	19.1	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	167	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	213	9.1	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,929	11.5	2.9	22.6%	14.9%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	297	47.2	1.0	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	751	10.5	1.2	13.7%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,018	10.4	1.8	18.6%	3.6%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,120	9.0	1.0	10.9%	7.1%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,626	72.4	2.5	2.8%	1.7%
Dịch vụ giải trí	4,004	24.6	1.4	11.2%	9.5%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,752	18.7	3.5	23.5%	20.2%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	851	12.7	1.1	9.1%	3.3%
Internet	348	73.4	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,660	10.6	2.3	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	489	15.5	0.8	4.7%	1.8%
Thiết bị văn phòng	294	5.6	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,208	34.3	6.9	34.0%	11.5%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,320	9.9	1.5	16.0%	7.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	207,673	17.0	5.5	32.5%	22.0%
Nước	1,191	6.4	1.1	16.7%	11.3%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,397	8.0	1.0	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,923	11.9	0.7	6.6%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,661	8.5	0.8	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,334	21.6	2.3	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,022	36.5	1.0	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	30,481	13.5	1.9	10.8%	7.7%
Ngân hàng					
Ngân hàng	239,025	11.3	1.2	10.5%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	183,445	16.3	3.0	22.6%	5.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.7	32.7%	12.3%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	49,632	11.2	2.3	21.9%	9.2%



- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangnnt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc**      sacnq@vietinbanksc.com.vn  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.